

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LAI CHÂU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2026/NQ-HĐND Lai Châu, ngày 22 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu
khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 103/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Ban hành Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố;

Xét Tờ trình số 225/TTr-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031; Báo cáo thẩm tra số 238/BC-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 12 tháng 5 năm 2026.

2. Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 về ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, nhiệm kỳ 2021-2026 hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XVI, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác Đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Minh Ngân

QUY CHẾ

Làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng 04 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ, hình thức làm việc, quy trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, quan hệ công tác của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

b) Những nội dung liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với Hội đồng nhân dân tỉnh chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc, chế độ làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, phát huy

quyền làm chủ của Nhân dân, phục vụ Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân; thực hiện hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, bảo đảm trách nhiệm giải trình gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trước Hội đồng nhân dân tỉnh; ban hành văn bản theo thẩm quyền và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối liên hệ chặt chẽ, thường xuyên với Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan hữu quan trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh và việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Chương II

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 3. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh họp thường lệ mỗi năm 02 kỳ.

Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ) và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó (đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ) theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh họp chuyên đề hoặc họp đề giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu.

Điều 4. Chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ quy định của pháp luật, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và tình hình thực tiễn của tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chuyên môn rà soát các nội dung dự kiến trình tại kỳ họp.

a) Đối với kỳ họp thường lệ, chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất nội dung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Đối với kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét về nội dung kỳ họp khi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan hữu quan để thống nhất về thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp, những vấn đề có liên quan đến kỳ họp và phân công các cơ quan chuẩn bị.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình tổ chức kỳ họp theo quy định.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thông báo về dự kiến thời gian, nội dung, chương trình kỳ họp; kế hoạch tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp (đối với kỳ họp thường lệ); phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra các nội dung trình kỳ họp theo quy định của pháp luật và lĩnh vực phụ trách theo dõi.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chuẩn bị các tài liệu và tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 5. Tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa mới được tổ chức chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trong nhiệm kỳ, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổ chức kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp. Việc tổ chức kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa trước triệu tập. Trường hợp khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định triệu tập viên và Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh cùng với quyết định triệu tập kỳ họp.

Điều 6. Chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua chương trình kỳ họp theo trình tự sau đây:

1. Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân dự kiến chương trình kỳ họp để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khóa trước hoặc triệu tập viên (trong trường hợp khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh) dự kiến chương trình kỳ họp trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa mới xem xét, quyết định.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận, cho ý kiến về dự kiến chương trình kỳ họp.

3. Chủ tọa kết luận.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua chương trình kỳ họp.

Điều 7. Trách nhiệm của Chủ tọa kỳ họp, Chủ tọa phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chủ tọa điều hành kỳ họp, các phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh là Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc triệu tập viên.

Trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chủ tọa kỳ họp. Trường hợp khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định Chủ tọa kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện điều hành kỳ họp theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chủ tọa kỳ họp, các phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm điều hành theo trình tự quy định tại Quy chế này.

Điều 8. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp

1. Tham gia đầy đủ các phiên họp, kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp không tham dự các phiên họp, kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh thì phải có lý do và báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp, đồng thời thông tin cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, trừ trường hợp bất khả kháng.

2. Tập trung nghiên cứu, tham gia thảo luận, góp ý kiến vào các nội dung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh và thực hiện quyền giám sát, chất vấn, biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Đeo huy hiệu, mặc trang phục lịch sự, trang trọng khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn với tư cách là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Thực hiện trả lời phỏng vấn về các nội dung thuộc phạm vi thẩm quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Sử dụng, bảo quản tài liệu kỳ họp (bao gồm cả tài liệu mật), nội dung phiên họp kín của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thành lập Tổ thảo luận tại kỳ họp và trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó, thành viên Tổ thảo luận

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thành lập các Tổ thảo luận gồm: Tổ trưởng, Tổ phó và thành viên là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh để thảo luận, thống nhất về chương trình, nội dung kỳ họp; phân công thư ký tại các Tổ thảo luận. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh mời đại diện các cơ quan có liên quan tham dự phiên thảo luận của Tổ để làm rõ những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm.

2. Tổ trưởng Tổ thảo luận tại kỳ họp có trách nhiệm tổ chức để đại biểu trong Tổ thực hiện chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh và các quy định khác về kỳ họp; tổ chức và điều hành hoạt động của Tổ theo phân công của Chủ tọa kỳ họp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Tổ phó, thành viên Tổ thảo luận có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng Tổ thảo luận.

4. Tổ thảo luận tại kỳ họp tự giải tán sau khi kết thúc kỳ họp.

Điều 10. Công tác thư ký kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc bộ phận được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thư ký kỳ họp, gồm các nội dung sau đây:

1. Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.

2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.

3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại các phiên họp của kỳ họp.

4. Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

5. Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 11. Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tài liệu phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh do người đứng đầu cơ quan, đơn vị trình ký ban hành, trường hợp khuyết người đứng đầu thì do cấp phó ký ban hành và được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (qua Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh) để gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đảm bảo thời hạn theo quy định của pháp luật.

Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các tài liệu được lưu hành tại kỳ họp sau khi đã báo cáo và xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Tài liệu chính thức được lưu hành bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (trừ trường hợp thuộc bí mật nhà nước); đối với văn bản quy phạm pháp luật thì thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể cung cấp thông tin, tài liệu khác liên quan đến nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh nếu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chế độ quản lý, lưu hành và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh đối với tài liệu phục vụ kỳ họp theo quy định của pháp luật.

4. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đăng tải tài liệu kỳ họp trên trang thông tin điện tử của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc niêm yết công khai theo quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 12. Hình thức tiến hành kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh

Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức kỳ họp theo một trong các hình thức sau: Trực tiếp (bao gồm cả họp kín), trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp với trực tuyến theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Các phiên họp tại kỳ họp được tiến hành công khai, trường hợp họp kín thì thực hiện theo quy định của pháp luật và được ghi trong chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 13. Kỳ họp thứ nhất, phiên khai mạc, phiên bế mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa trước hoặc triệu tập viên là Chủ tọa các phiên họp

của Hội đồng nhân dân tỉnh cho đến khi Hội đồng nhân dân tỉnh bầu được Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa mới.

2. Phiên khai mạc được tổ chức vào phiên họp đầu tiên của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh. Trước phiên khai mạc, Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức họp phiên trừ bị (nếu có) để xem xét, thông qua chương trình kỳ họp và một số nội dung khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Phiên khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung chính theo trình tự sau: Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; phát biểu khai mạc, phát biểu chỉ đạo của cấp trên (nếu có) và một số nội dung khác theo chương trình kỳ họp đã được thông qua.

3. Phiên bế mạc được tổ chức sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình kỳ họp đã được thông qua và thực hiện theo trình tự sau: Chủ tọa kỳ họp phát biểu bế mạc, chào cờ.

Điều 14. Trình tự, thủ tục Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn tại kỳ họp

Tùy từng nội dung cụ thể mà Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Đại diện cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình bày Tờ trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo theo quy định hoặc theo yêu cầu của Chủ tọa kỳ họp;

2. Đại diện các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra hoặc chuẩn bị ý kiến nghiên cứu trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo nghiên cứu (nếu có);

3. Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận tại phiên họp toàn thể hoặc tổ chức thảo luận tại Tổ thảo luận theo đề nghị của Chủ tọa hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

4. Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo có trách nhiệm chủ động phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, bộ phận làm nhiệm vụ thư ký kỳ họp để xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu về những nội dung liên quan được thảo luận tại phiên họp toàn thể, phiên họp tổ để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp toàn thể.

5. Việc biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo tại phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo nghị quyết trình bày báo cáo giải trình, tiếp thu (nếu có);

b) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận về nội dung của dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo; Chủ tọa kỳ họp xin ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về những nội dung còn có ý kiến khác nhau (nếu có) trước khi biểu quyết thông qua. Trường hợp dự thảo có nội dung quan trọng, phức tạp hoặc còn có ý kiến khác nhau, cần có thêm thời gian để nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý thì Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình dự thảo quyết định lùi thời điểm trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo. Việc biểu quyết có thể bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác theo Quy chế này. Trường hợp biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu làm việc và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả biểu quyết.

6. Nội dung kỳ họp, các phiên họp toàn thể, phiên họp Tổ của Hội đồng nhân dân tỉnh phải được lập thành biên bản và ký xác thực theo quy định.

Điều 15. Trình tự, thủ tục Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định về công tác nhân sự thuộc thẩm quyền

1. Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp khuyết Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thì Chủ tọa kỳ họp giới thiệu nhân sự dự kiến giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp có đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ứng cử hoặc đề cử thêm người ngoài danh sách do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Chủ tọa kỳ họp giới thiệu thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Chủ tọa kỳ họp trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;

c) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa kỳ họp phân công báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (nếu có);

d) Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua danh sách bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;

e) Chủ tọa kỳ họp giới thiệu đề Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu tại kỳ họp theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

f) Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh bằng hình thức bỏ phiếu kín;

g) Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu;

h) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa kỳ họp phân công trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết xác nhận kết quả bầu chức danh;

i) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận về dự thảo nghị quyết;

k) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa kỳ họp phân công báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết (nếu có);

l) Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

2. Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh bầu các chức danh của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, khoản 1 Điều này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Hội thẩm nhân dân:

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trình danh sách đề Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Hội thẩm nhân dân;

b) Trình tự, thủ tục Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Hội thẩm nhân dân được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân tỉnh bầu thì có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu;

b) Việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm thì Hội đồng

nhân dân tỉnh biểu quyết công khai và không bầu Ban kiểm phiếu; trường hợp bầu nhiệm thì bỏ phiếu kín.

5. Việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện như sau:

a) Căn cứ đơn xin thôi làm nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh không họp thì do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất;

b) Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hình thức biểu quyết; trường hợp biểu quyết công khai thì không bầu Ban kiểm phiếu.

6. Việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 38 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Điều 16. Hồ sơ về nhân sự trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định

1. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân tỉnh bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

c) Các tài liệu liên quan đến lý lịch, nhận xét, đánh giá, kết luận về nhân sự của cấp có thẩm quyền theo quy định;

d) Các tài liệu khác có liên quan do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu kèm theo đơn xin thôi giữ chức vụ, đơn xin từ chức (nếu có);

b) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

c) Văn bản thi hành kỷ luật (nếu có) hoặc ý kiến của cấp có thẩm quyền;

d) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bao gồm:

- a) Đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các tài liệu có liên quan;
- b) Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- c) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

4. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bao gồm:

- a) Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- b) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- c) Văn bản thi hành kỷ luật (nếu có) hoặc ý kiến của cấp có thẩm quyền;
- d) Văn bản ý kiến của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nơi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đó đang sinh hoạt Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có);
- e) Văn bản ý kiến của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân nơi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đang sinh hoạt (nếu có).

Điều 17. Trình tự xem xét lập danh mục, đăng ký xây dựng, ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, thực tế ở địa phương, tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đăng ký xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh qua Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tờ trình đăng ký xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh nêu rõ sự cần thiết, mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; các vấn đề cụ thể xử lý mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập có nguyên nhân từ pháp luật; vấn đề mới và các nội dung cần thiết khác (nếu có); thời gian dự kiến trình và thông qua.

3. Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra hoặc có ý kiến về đề nghị lập danh mục hoặc đăng ký xây dựng nghị quyết và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Trình tự, thủ tục Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét đề nghị lập danh mục, đăng ký xây dựng nghị quyết thực hiện theo quy định tại khoản 1,

khoản 2, khoản 3 điều này và Điều 21, Điều 23 Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

Điều 18. Thông tin về kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Khi cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức họp báo hoặc giao Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh họp báo về chương trình, nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh để cung cấp thông tin về các nội dung của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh đăng tải công khai nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trên trang thông tin điện tử của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Các phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh được phát thanh, truyền hình trực tiếp (trừ trường hợp do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định) theo chương trình kỳ họp đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

4. Cơ quan báo chí có thể được mời tham dự và đưa tin về kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 19. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện quyền giám sát theo quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Điều 27 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15.

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 28, 29 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15 và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chương III

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 20. Chế độ, hình thức làm việc

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh làm việc theo chế độ tập thể, thảo luận dân chủ và quyết định theo đa số; bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng một lần; trường hợp cần thiết thì họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự.

3. Các quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, kể cả trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh làm việc thông qua các hình thức sau đây.

- a) Phiên họp thường kỳ, phiên họp đột xuất;
- b) Lấy ý kiến bằng văn bản;
- c) Hội nghị;
- d) Các đoàn công tác;
- e) Các hình thức hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh; ban hành văn bản theo thẩm quyền và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 21. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thời gian, chương trình, nội dung, hình thức họp, thành phần họp, triệu tập và chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thẩm tra, cho ý kiến đối với các nội dung trình tại phiên họp; phân công Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu, phục vụ phiên họp.

3. Trường hợp cần thiết, căn cứ tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình phiên họp.

4. Căn cứ chương trình phiên họp, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chuẩn bị đầy đủ nội dung, hồ sơ, tài liệu trình

phiên họp theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, bảo đảm chất lượng và thời gian theo quy định.

5. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình phiên họp; ghi biên bản phiên họp; chủ trì hoàn thiện thông báo, kết luận phiên họp; lưu giữ hồ sơ, tài liệu của phiên họp.

Các văn bản, tài liệu phục vụ phiên họp được gửi đến Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu trước khi tổ chức phiên họp.

6. Trình tự tiến hành phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện như sau:

a) Chủ tọa phiên họp phát biểu khai mạc và gợi ý những nội dung tập trung thảo luận;

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày Tờ trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án để Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến;

c) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo ý kiến nghiên cứu (nếu có);

d) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;

e) Đại biểu tham dự phiên họp được mời phát biểu ý kiến (nếu có);

f) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án phát biểu ý kiến tiếp thu, giải trình các ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau (nếu có);

g) Chủ tọa kết luận.

7. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định về việc mời cơ quan báo chí tham dự và đưa tin về nội dung phiên họp (nếu có).

Điều 22. Văn bản kết luận phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ kết luận của Chủ tọa phiên họp, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công xây dựng dự thảo thông báo kết luận phiên họp trình Chủ tọa phiên họp (trường hợp Chủ tọa phiên họp là Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh) xem xét, quyết định. Trường hợp Chủ tọa phiên họp là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thì dự thảo thông báo kết luận phải được báo cáo, xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi ban hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành văn bản thông báo kết luận phiên họp gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện.

Điều 23. Trình tự, thủ tục Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản

1. Trường hợp không tổ chức được phiên họp (do thiên tai, dịch bệnh hoặc tình trạng khẩn cấp khác) hoặc tùy theo tính chất, nội dung công việc, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định lấy ý kiến, quyết định bằng văn bản.

2. Hồ sơ, tài liệu trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản gồm:

- a) Văn bản đề nghị hoặc Tờ trình của cơ quan trình xin ý kiến;
- b) Báo cáo thẩm tra của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công thẩm tra;
- c) Dự thảo nghị quyết hoặc văn bản trả lời của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- d) Phiếu biểu quyết bằng văn bản (nếu có);
- e) Dự thảo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (nếu có);
- f) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

3. Trình tự thực hiện

a) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh gửi hồ sơ, tài liệu đến các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công (nếu cần);

b) Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu và ý kiến thẩm tra của Ban của Hội đồng nhân dân (nếu có), các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến vào dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo và phiếu biểu quyết bằng văn bản, gửi về Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh để tổng hợp;

c) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp kết quả biểu quyết bằng phiếu, ý kiến của các thành viên Thường trực, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và gửi đến Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra (nếu có);

d) Cơ quan trình có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo;

e) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra về nội dung; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện thẩm định, rà soát, trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh ký ban hành nghị quyết

hoặc văn bản trả lời của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi đảm bảo điều kiện theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, các quy định của pháp luật có liên quan và Quy chế này. Lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; chịu trách nhiệm tập thể về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 25. Hoạt động tiếp công dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân tại nơi tiếp công dân ở địa phương mà đại biểu ứng cử.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Nghị quyết 116/2025/UBTVQH15 quy định về việc tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn và giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân đối với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các văn bản hướng dẫn liên quan.

3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh thừa lệnh Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ký thông báo lịch tiếp công dân hằng tháng của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; công khai lịch tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân của tỉnh và trên Trang Thông tin điện tử của Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; ký thừa lệnh thông báo kết luận tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi và đôn đốc thực hiện kết luận tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 26. Hoạt động giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Hoạt động khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế tiến hành khảo sát việc thực hiện các chính sách, pháp luật ở địa phương; các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; việc giải quyết kiến nghị của cử tri; giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

b) Tổ chức khảo sát

Căn cứ vào chương trình công tác, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hình thức khảo sát và thành lập Đoàn khảo sát.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn khảo sát

Thông báo chương trình, thành phần Đoàn khảo sát, nội dung, kế hoạch, đề cương gợi ý báo cáo cho cơ quan, đơn vị nơi Đoàn đến khảo sát chậm nhất 03 ngày trước ngày tổ chức khảo sát; thực hiện đúng nội dung, kế hoạch khảo sát.

Yêu cầu cơ quan, đơn vị nơi Đoàn đến khảo sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung khảo sát, giải trình vấn đề mà Đoàn khảo sát quan tâm;

Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động khảo sát, Đoàn khảo sát hoàn thành báo cáo kết quả khảo sát và gửi kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Điều 27. Chế độ thông tin, báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chế độ thông tin đến Nhân dân, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin

điện tử của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh về tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh; việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Chế độ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh là người phát ngôn của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; chỉ đạo trao đổi và cung cấp thông tin cho báo chí theo thẩm quyền hoặc ủy quyền cho Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh cung cấp thông tin cho báo chí về một số vấn đề cụ thể, có thời hạn nhất định. Người được ủy quyền phát ngôn và cung cấp thông tin không được ủy quyền cho người khác và chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí.

b) Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm chuẩn bị, tổng hợp các thông tin phục vụ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương IV

CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 28. Chế độ, hình thức làm việc

1. Các Ban làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; thực hiện giải quyết công việc đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (báo cáo định kỳ hoặc đột xuất); ban hành văn bản và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh làm việc thông qua hình thức tổ chức phiên họp thường kỳ, phiên họp đột xuất, gửi xin ý kiến bằng văn bản, tổ chức hội nghị, tổ chức các đoàn công tác và các hình thức hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Phiên họp toàn thể Ban được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Ban tham dự. Kết luận của Ban được thông qua khi có quá nửa số thành viên Ban tán thành.

Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì nội dung xin ý kiến, thời hạn trả lời phải được xác định rõ; kết quả lấy ý kiến được tổng hợp bằng văn bản và có giá trị như kết luận phiên họp Ban.

Điều 29. Phạm vi, lĩnh vực phụ trách

1. Phạm vi, lĩnh vực phụ trách của các Ban do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Quy chế này, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương và yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

a) Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh phụ trách các lĩnh vực: tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật; tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương; thực hiện việc tự kiểm tra văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh phụ trách các lĩnh vực: giáo dục, y tế, lao động, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao; khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chính sách tôn giáo trên địa bàn tỉnh;

c) Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh phụ trách các lĩnh vực: quy hoạch, kế hoạch, tài chính, ngân sách, đầu tư và thực hiện liên kết vùng; thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, xây dựng, giao thông, phát triển hạ tầng nông thôn; đất đai, tài nguyên, môi trường và nông, lâm, ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh;

d) Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực dân tộc trên địa bàn tỉnh.

2. Trong một số trường hợp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh điều hòa nhiệm vụ giữa các Ban khác với phạm vi, lĩnh vực phụ trách của Ban.

Điều 30. Trình tự, thủ tục thẩm tra đề án, báo cáo, dự thảo nghị quyết

1. Cơ quan, tổ chức trình đề án, báo cáo, dự thảo nghị quyết có trách nhiệm gửi đầy đủ hồ sơ đến Ban được phân công thẩm tra theo đúng thời hạn quy định tại kế hoạch của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trường hợp hồ sơ gửi không bảo đảm thời hạn, nội dung hoặc chất lượng, Ban được phân công thẩm tra có quyền yêu cầu cơ quan trình bổ sung, hoàn thiện hoặc báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Nội dung thẩm tra tập trung vào các vấn đề sau đây:

a) Căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; vấn đề còn có ý kiến khác nhau (nếu có);

b) Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

c) Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo văn bản;

d) Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính (nếu có);

e) Nguồn tài chính, nguồn nhân lực; việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ được phân cấp (nếu có);

f) Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.

3. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức phiên họp toàn thể để thẩm tra nghị quyết, đề án, báo cáo được phân công theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình bày;

b) Đại diện Ban trình bày báo cáo thẩm tra hoặc ý kiến của Ban (nếu có);

c) Tập thể Ban thảo luận;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức hữu quan phát biểu ý kiến;

e) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo phát biểu ý kiến (nếu có);

f) Chủ tọa phiên họp kết luận;

g) Tập thể Ban biểu quyết.

4. Sau phiên họp thẩm tra Ban được phân công thẩm tra hoàn thiện, ban hành báo cáo thẩm tra. Báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm của Ban về những vấn đề thuộc nội dung thẩm tra theo quy định; nội dung thống nhất, nội dung còn ý kiến khác nhau (nếu có) và kiến nghị cụ thể. Báo cáo thẩm tra được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân theo kế hoạch của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng thời phải gửi đến cơ quan trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo.

Điều 31. Việc tổ chức phiên họp toàn thể Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và việc xem xét, cho ý kiến bằng văn bản

1. Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định triệu tập phiên họp toàn thể để xem xét, thảo luận, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền hoặc các nội dung theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; phân công Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban dự thảo nội dung trình phiên họp toàn thể của Ban hoặc chuẩn bị ý kiến của Ban trả lời các cơ quan.

2. Trình tự tổ chức phiên họp toàn thể Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện trình tự như quy định tại khoản 3 Điều 30 của Quy chế này (khi làm việc với các đơn vị); trình tự như quy định tại điểm b, c, f, g khoản 3 Điều 30 của Quy chế này (khi họp nội bộ).

3. Căn cứ kết luận phiên họp toàn thể của Ban, Trưởng Ban phân công Phó Trưởng Ban hoặc Ủy viên của Ban chủ trì phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn thiện dự thảo các văn bản đã cho ý kiến tại phiên họp theo thẩm quyền, trình Trưởng Ban xem xét, quyết định.

4. Trường hợp không tổ chức được phiên họp toàn thể Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh (do điều kiện bất khả kháng) hoặc tùy vào tính chất, nội dung, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc xin ý kiến bằng văn bản. Trình tự, thủ tục Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến bằng văn bản được thực hiện như sau:

a) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phân công Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban nghiên cứu, xây dựng dự thảo văn bản của Ban;

b) Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban được giao nhiệm vụ nghiên cứu gửi hồ sơ, tài liệu, phiếu xin ý kiến để các thành viên của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến bằng văn bản;

c) Phó Trưởng Ban, Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được giao nhiệm vụ nghiên cứu tổng hợp ý kiến, biểu quyết của thành viên Ban, hoàn thiện dự thảo văn bản và báo cáo Trưởng Ban xem xét quyết định ký ban hành.

d) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh ký văn bản của Ban gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan;

e) Cơ quan trình có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo (nếu có).

Điều 32. Hoạt động giám sát, khảo sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hoạt động giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 33, Điều 34, Điều 35 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Hoạt động khảo sát

a) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và chương trình công tác, công tác chỉ đạo, điều hòa của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nội dung, hình thức khảo sát và thành lập Đoàn khảo sát;

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn khảo sát thực hiện quy định tại điểm b, điểm c khoản 2, Điều 26 Quy chế này.

Điều 33. Trách nhiệm của Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và các Ủy viên Ban

Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có Trưởng Ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Số lượng các ủy viên được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở đề xuất của Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1. Trách nhiệm của Trưởng Ban:

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban theo quy định của pháp luật có liên quan thuộc lĩnh vực Ban phụ trách, các nhiệm vụ được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công;

b) Phụ trách chung, chỉ đạo, điều hành công việc của Ban; chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về hoạt động của Ban; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban;

c) Thay mặt Ban trình bày báo cáo trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

d) Cung cấp thông tin về hoạt động của Ban cho các cơ quan báo chí (nếu có yêu cầu);

e) Xử lý văn bản đi, đến của Ban;

f) Ký văn bản của Ban.

2. Trách nhiệm của Phó Trưởng Ban:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Trưởng Ban;

b) Chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban; chịu trách nhiệm cá nhân trước Trưởng Ban và Ban về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công;

c) Ký các văn bản của Ban, trình bày báo cáo của Ban trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo phân công của Trưởng Ban.

3. Trách nhiệm của Ủy viên:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban;

b) Chịu trách nhiệm tập thể trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban; chịu trách

nhiệm cá nhân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban phân công.

Chương V

TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 34. Trách nhiệm của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các quy định pháp luật có liên quan và theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện giám sát các vấn đề do Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 35. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó, thành viên Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Điều hành và chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Tổ đại biểu trước Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Chủ trì điều hành các phiên họp Tổ; thay mặt Tổ ký các văn bản của Tổ;

c) Thường xuyên giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường và các cơ quan, tổ chức liên quan;

2. Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khi được Tổ trưởng phân công.

3. Thành viên của Tổ có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Tổ, thực hiện các nhiệm vụ khi được Tổ trưởng phân công.

Điều 36. Hoạt động giám sát, khảo sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15.

2. Hoạt động khảo sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và chương trình công tác, sự điều hòa, phối hợp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nội dung, hình thức khảo sát và thành lập Đoàn khảo sát.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn khảo sát thực hiện quy định tại điểm b, điểm c khoản 2, Điều 26 Quy chế này.

Chương VI

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 37. Hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 38. Điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp hoạt động phí hàng tháng và được hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động đại biểu theo quy định hiện hành.

Điều 39. Hoạt động giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện giám sát theo quy định tại Điều 37, Điều 39 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15.

Chương VII

QUAN HỆ GIỮA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 40. Quan hệ công tác với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối liên hệ thường xuyên và chịu sự giám sát, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giữ mối liên hệ chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và các cơ quan có liên quan, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt trong hoạt động của hệ thống cơ quan dân cử từ Trung ương đến địa phương.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Đoàn đại biểu Quốc hội ở địa phương trong hoạt động xây dựng Pháp luật, tiếp xúc cử tri, giám sát, khảo sát, tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân và quy chế phối hợp; mời đại diện Lãnh đạo

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tham dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh; các cuộc giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức.

Điều 41. Quan hệ với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh xây dựng và thống nhất ký kết Quy chế phối hợp công tác giữa Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031. Quy chế phối hợp quy định cụ thể về trách nhiệm, phương thức, thời hạn phối hợp thực hiện các nội dung tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Nội dung phối hợp công tác với Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung vào các hoạt động:

- a) Tổ chức kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- b) Triển khai thực hiện và đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện các Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.
- c) Hoạt động giám sát, khảo sát: Phối hợp thực hiện chương trình giám sát hằng năm; cung cấp thông tin, tài liệu và giải trình các vấn đề theo yêu cầu của Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh
- d) Công tác tiếp công dân; việc giải quyết kiến nghị của cử tri, kiến nghị sau giám sát, khảo sát, chất vấn, giải trình và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo luật định.

3. Nội dung phối hợp công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội cùng cấp tập trung vào các hoạt động:

- a) Tiếp xúc cử tri: Phối hợp xây dựng kế hoạch, tổ chức tiếp xúc cử tri; tổng hợp, phân loại, đôn đốc và giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.
- b) Phản biện xã hội: Thực hiện phản biện xã hội đối với các dự thảo Nghị quyết quan trọng liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân địa phương.
- c) Tham gia xây dựng chính quyền: Mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các hội nghị liên tịch thống nhất nội dung công tác.

Điều 42. Quan hệ với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Thi hành án dân sự tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân khu vực và cùng cấp, phối hợp trong việc trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan phục vụ hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị toàn thể Hội thẩm bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh mời đại diện lãnh đạo Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh tham dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh, các cuộc giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức (nếu có nội dung liên quan).

Điều 43. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu sự hướng dẫn và thực hiện nhiệm vụ theo đề nghị của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban thường vụ Quốc hội khi công tác tại địa phương.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức hữu quan ở địa phương có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu.

Điều 44. Phối hợp với Hội đồng nhân dân các xã, phường

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban, Phó Trưởng ban các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân các xã, phường khi được mời hoặc được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

2. Mời Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân các xã, phường tham gia phối hợp trong các hoạt động giám sát, khảo sát, làm việc tại các địa phương.

3. Thông báo kết quả giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về các vấn đề có liên quan đến các xã, phường; trao đổi thông tin và đề xuất các biện pháp, giải pháp thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp.

4. Theo dõi, tổng hợp các nội dung báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân các xã, phường theo quy định của pháp luật, gồm:

- a) Các nghị quyết Hội đồng nhân dân các xã, phường;
- b) Biên bản, tài liệu các kỳ họp Hội đồng nhân dân các xã, phường;
- c) Các báo cáo về tình hình hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân các xã, phường hằng tháng, quý, 6 tháng, năm.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, để đảm bảo phù hợp với thực tế của địa phương và các quy định pháp luật của liên quan, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm rà soát, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.